

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/ DS - ST

Ngày: 02/8/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ - TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Trung

Các Hội thẩm nhân dân:- Ông Lê Đức Dũng

- Bà Thái Thị Thủy Tiên

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST – DS ngày 11 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị M, sinh năm: 1974 (có mặt)

Địa chỉ: số 04, tổ 32, ấp T, xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Bị đơn: Chị Lê Thị H1, sinh năm 1973 (có mặt)

Anh Trần Quốc H, sinh năm 1970 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Phước S, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Anh S ủy quyền cho chị M tham gia tố tụng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Trương Thị M trình bày: Chị và anh H, chị H1 mua bán hạt điều nhân sống với nhau từ cuối năm 2013. Khi mua bán thì các bên không lập hợp đồng mua bán. Khi giao nhận hàng thì có ký sổ với nhau. Chị bán hạt điều nhân sống cho chị H1, anh H. Khi mua bán thì có khi thanh toán liền và có khi thanh toán gởi đầu. Đến ngày 20/7/2017, chị và anh H, chị H1 chốt nợ với nhau là anh H, chị H1 còn nợ chị số 3.100.000.000 đồng. Anh H và chị H1 viết giấy tay hẹn chị đến ngày 15/9/2017 sẽ trả hết nợ cho chị. Tuy nhiên, sau đó anh H và chị H1 chỉ thanh toán cho chị các lần như sau: Năm 2019 thì chị H1, anh H có trả cho chị được 20.000.000 đồng, khi trả không nhớ ngày cụ thể chỉ nhớ là khoảng gần tết, khi trả

thì không lập giấy tờ. Năm 2020, chị H1 anh H trả cho chị được 50.000.000 đồng, khi trả thì không lập giấy tờ và cùng không nhớ thời gian cụ thể, khi trả là gần tết. Đến tháng 6/2021 thì chị H1 anh H chuyển khoản vào tài khoản của chị 30.000.000 đồng và chị H1 trả cho chị 1.000.000 đồng. Tổng cộng anh H và chị H1 đã trả cho chị 101.000.000 đồng. Riêng số tiền 50.000.000 đồng anh Nguyễn Thế Đông nhận thay cho chị thì chị thừa nhận là số tiền này anh Đông giao lại cho chị nhưng số tiền này được trả trước ngày các bên chốt nợ với nhau.

Nay chị yêu cầu chị Lê Thị H1 và anh Trần Quốc H phải trả cho chị và anh Nguyễn Phước S 2.999.000.000 đồng và yêu cầu lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày 15/9/2017 đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa chị M thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu tính lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày 01/01/2018 đến khi giải quyết xong vụ án.

* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn chị Lê Thị H1 và anh Trần Quốc H trình bày: từ năm 2013 thì anh chị và chị Trương Thị M có mua bán hạt điều nhân sống. Khi mua bán thì các bên không lập hợp đồng chỉ giao hàng và thanh toán tiền, giá hàng là theo thị trường. Khi chị M giao hàng thì anh chị nhận hàng và thanh toán tiền một lần hoặc thanh toán tiền nhiều lần. Anh H thừa nhận chữ ký trong giấy viết tay ghi ngày 20/7/2017 là của anh và chị H1 không thừa nhận chữ ký trong giấy viết tay ghi ngày 20/7/2017 là của mình. Anh H và chị H1 không thừa nhận là thỏa thuận với chị M ngày 15/9/2017 sẽ trả hết số nợ cho chị M vì lúc đó anh chị bế nợ nên không có tiền để thanh toán một lần mà thỏa thuận như vậy. Tuy nhiên, anh chị thừa nhận có nợ chị M 3.100.000.000 đồng và đã trả cho chị M các khoản như sau:

Ngày 19/7/2017 trả cho ông Nguyễn Thế Đông 50.000.000 đồng. Khi trả thì anh Đông có ký vào sổ nợ của anh chị. Anh Đông là người chị M giao đến đòi tiền.

Năm 2018, anh chị trả cho chị M 20.000.000 đồng, chị M qua nhà anh chị lấy tiền, khi trả thì các bên không lập giấy tờ.

Ngày 08/02/2018, anh chị có nhờ em gái anh chị tên Hương chuyển khoản cho chị M 50.000.000 đồng.

Ngày 29/01/2022, em gái tên Hương có chuyển cho chị M 30.000.000 đồng và 01 lần trả 1.000.000 đồng như chị M trình bày.

Tổng cộng là anh chị đã trả cho chị M 151.000.000 đồng.

Nay đối với yêu cầu của chị M thì anh chị đồng ý trả cho chị M 2.949.000.000 đồng và anh chị không đồng ý trả lãi suất. Phương thức trả là mỗi tháng trả 2.000.000 đồng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Phước S ủy quyền cho chị Trương Thị M trình bày: số tiền anh H chị H1 còn nợ của chị M là tài sản chung của vợ chồng nên anh S yêu cầu anh H và chị H1 trả 2.999.000.000 đồng và yêu cầu lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày 01/01/2018 đến khi giải quyết xong vụ án.

* Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý

cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiến nghị vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

+ Về nội dung vụ án: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh Trần Quốc H và chị Lê Thị H1 phải trả cho chị Trương Thị M và anh Nguyễn Phước S 2.999.000.000 đồng và lãi suất là 0,83%/tháng kể từ ngày 01/01/2018 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Trương Thị M khởi kiện chị Lê Thị H1 và anh Trần Quốc H yêu cầu anh H, chị H1 phải trả tiền còn thiếu trong quá trình mua bán hàng nên quan hệ pháp luật là: *“Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn chị Trương Thị M trình bày: Giữa chị và anh H, chị H1 có thỏa thuận mua bán hạt điều nhân sống với nhau và không lập hợp đồng. Khi giao nhận hàng thì các bên ghi sổ và thanh toán tiền một lần hay gởi đầu, giá hạt điều là theo thời giá thị trường. Đến ngày 20/7/2017, các bên chốt nợ và có lập giấy viết tay có chữ ký của anh H, chị H1. Hẹn đến ngày 15/9/2017, anh H chị H1 sẽ trả hết số nợ cho chị nhưng anh H và chị H1 chỉ trả được các lần tổng cộng là 101.000.000 đồng. Còn nợ lại chị là 2.999.000.000 đồng. Đối với yêu cầu của nguyên đơn thì anh H, chị H1 cũng thống nhất việc thỏa thuận mua bán giữa các bên nhưng không xác định thời điểm các bên chốt nợ là ngày 20/7/2017 và phải trả tiền vào ngày 15/9/2017 vì lúc này anh chị bế nợ nên không có khả năng thanh toán tiền một lần cho chị M. Chị H1 không thừa nhận chữ ký trong giấy nợ là chữ của chị nhưng anh H và chị H1 xác nhận đến ngày viết giấy tay (không rõ ngày tháng cụ thể) còn nợ chị M 3.100.000.000 đồng nhưng anh chị đã trả cho chị M 151.000.000 đồng và còn nợ lại chị M 2.949.000.000 đồng. Anh H, chị H1 cũng thống nhất đã trả cho chị M các lần như chị M trình bày đồng thời còn trả thêm 01 lần 50.000.000 đồng cho anh Nguyễn Thế Đông nhận thay cho chị M. Chị M cũng thừa nhận đã nhận từ anh Nguyễn Thế Đông số tiền 50.000.000 đồng nhưng số tiền này được trả trước ngày 20/7/2017, trước khi các bên chốt lại số nợ. Đồng thời, theo giấy viết tay có chữ ký của anh Nguyễn Thế Đông nhận tiền của anh H, chị H1 thì giấy viết tay này ghi ngày 19/7/2017 và tại phiên tòa anh H chị H1 cũng thống nhất là anh Đông nhận 50.000.000 đồng trước ngày các bên viết giấy nợ. Do đó phần trình bày của chị M về số tiền 50.000.000 đồng anh H và chị H1 đã trả trước khi các bên viết giấy nợ là có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị M buộc anh H và chị H1 phải trả cho chị M và anh S 2.999.000.000 đồng tiền gốc.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu yêu cầu lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày 01/01/2018 đến khi giải quyết xong vụ án nhưng bị đơn không đồng ý. Theo giấy viết tay ngày các bên thỏa thuận đến ngày 15/9/2017 bị đơn phải trả tiền cho nguyên đơn nhưng anh H chị H1 không đồng ý việc thỏa

thuận đến ngày 15/9/2017 phải trả toàn bộ số tiền. Tuy nhiên, theo khoản 2 Điều 440 Bộ luật dân sự nếu các bên không thỏa thuận cụ thể việc trả tiền thì nghĩa vụ thanh toán tiền theo nghĩa vụ giao tài sản. Do đó anh H, chị H1 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền khi chị M đã giao tài sản nên phải chịu mức lãi suất trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự. Do đó chấp nhận toàn bộ yêu cầu lãi suất của nguyên đơn là bị đơn phải chịu lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày 01/01/2018 cho đến ngày xét xử cụ thể: là 04 năm 08 tháng 01 ngày x 0,83%/tháng x 2.999.0000.000 đồng = 1.170.740.000 đồng.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 112.170.000 đồng.

Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[5] Xét thấy quan điểm của đại diện VKS phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 440, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị M về Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

1. Buộc anh Trần Quốc H và chị Lê Thị H1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị Trương Thị M và anh Nguyễn Phước S 2.999.000.000 (*Hai tỷ chín trăm chín mươi chín triệu*) đồng tiền gốc và 1.170.740.000 (*Một tỷ một trăm bảy mươi triệu bảy trăm bốn mươi ngàn*) đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: anh Trần Quốc H và chị Lê Thị H1 phải chịu 112.170.000 (*Một trăm mười hai triệu một trăm bảy mươi ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Trương Thị M 56.232.000 (*Năm mươi sáu triệu hai trăm ba mươi hai ngàn*) đồng tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001054 ngày 21/02/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Cẩm Mỹ.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008

(sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai
- Viện kiểm sát H. Cẩm Mỹ;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- Dương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai Trung